Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8445.90.10

Mã HS	8445.90.10
Mô tả hàng hóa	Máy chuẩn bị xơ sợi dệt; máy kéo sợi, máy đậu sợi hoặc máy xe sợi và các loại máy khác dùng cho sản xuất sợi dệt; máy guồng hoặc máy đánh ống sợi dệt (kể cả máy đánh suốt sợi ngang) và các loại máy chuẩn bị sợi dệt dùng cho máy thuộc nhóm 84.46 hoặc 84.47 / - Loại khác: / - - Hoạt động bằng điện
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	11/11/2026 08:54:46
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://www.vietnamtariff.com/hs-code/84459010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13953
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13953
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13953
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13270
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13211
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13211
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13211
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13211
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13211
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13211
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13265
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13265
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13265
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13265

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13265
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13265
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13266
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13266
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13266
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13266
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13266
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13266
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13269
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13217
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13225
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13225
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13225
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13225
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13225
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13225
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13256
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13256
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13256
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13256
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13256
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13256
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13305
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13305
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13305
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13305

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13305
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13305
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D13288
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E13288
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F13288
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G13288
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H13288
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I13288
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13288
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13288
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13288
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13288
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13288
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13288
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13303
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13303
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13303
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13303
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13303
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13303
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13302
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13302
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13302
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13302
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13302
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13302

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13282
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13282
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13282
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13282
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13282
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13282
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13282
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13290
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13290
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13290
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13290
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13290
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13290
RCEP B	2022	2022	0	B!D13290
RCEP B	2023	2023	0	B!E13290
RCEP B	2024	2024	0	B!F13290
RCEP B	2025	2025	0	B!G13290
RCEP B	2026	2026	0	B!H13290
RCEP B	2027	2027	0	B!I13290
RCEP C	2022	2022	0	C!D13290
RCEP C	2023	2023	0	C!E13290
RCEP C	2024	2024	0	C!F13290
RCEP C	2025	2025	0	C!G13290
RCEP C	2026	2026	0	C!H13290
RCEP C	2027	2027	0	C!I13290
RCEP D	2022	2022	0	D!D13289

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E13289
RCEP D	2024	2024	0	D!F13289
RCEP D	2025	2025	0	D!G13289
RCEP D	2026	2026	0	D!H13289
RCEP D	2027	2027	0	D!I13289
RCEP E	2022	2022	0	E!D13293
RCEP E	2023	2023	0	E!E13293
RCEP E	2024	2024	0	E!F13293
RCEP E	2025	2025	0	E!G13293
RCEP E	2026	2026	0	E!H13293
RCEP E	2027	2027	0	E!I13293
RCEP F	2022	2022	0	F!D13290
RCEP F	2023	2023	0	F!E13290
RCEP F	2024	2024	0	F!F13290
RCEP F	2025	2025	0	F!G13290
RCEP F	2026	2026	0	F!H13290
RCEP F	2027	2027	0	F!I13290
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12331
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12331
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12331
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12331

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8445.90 có 2 dòng thuế; dòng 8445.90.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Hoạt động bằng điện.	8445.90.20 Không hoạt động bằng điện	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8445.90.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8445.90.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13953), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.